CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á

Ngày 31/03/2025	3,460 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.6%	**-2.8%**	**4.5%**

DT thuần
Q1/25
11.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.70| -13.4%
YoY: ▼8.60| -43.4%

LN thuần
Q1/25
-2.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.62| -140%
YoY: ▼3.87| -343%

LN sau thuế
Q1/25
-2.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼11.7| -130%
YoY: ▼2.86| -2386%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
7.2%
YoY: +/-▼ 85.2%

ROE (TTM)
Q1/25
0.7%
YoY: +/-▼ 0.3%

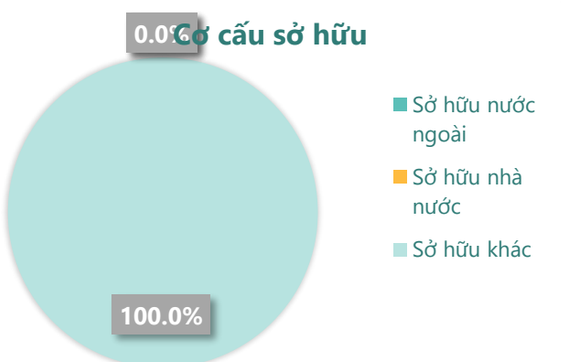
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,030 - 4,180
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	291
Số lượng CPLH (CP)	84,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	200,550
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.46
EPS	77
P/E	45.1

DT thuần
2024
74.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.0| 56.9%

LN thuần
2024
9.55
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.81| 101%

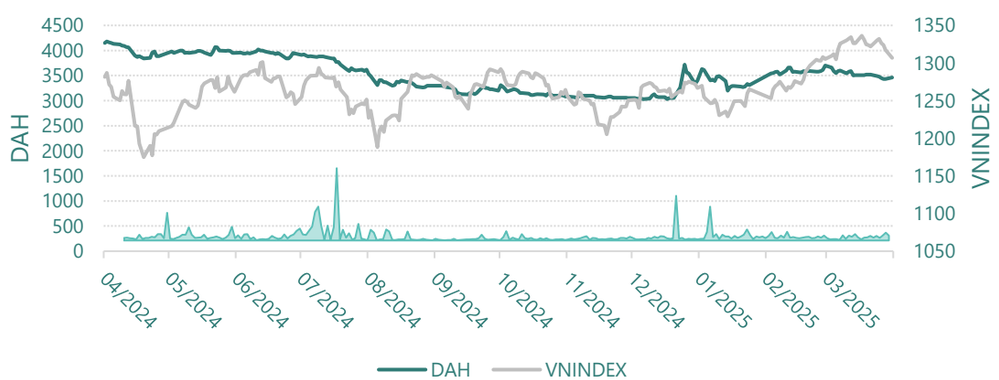
LN sau thuế
2024
6.91
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.11| 81.9%

Cơ cấu sở hữu

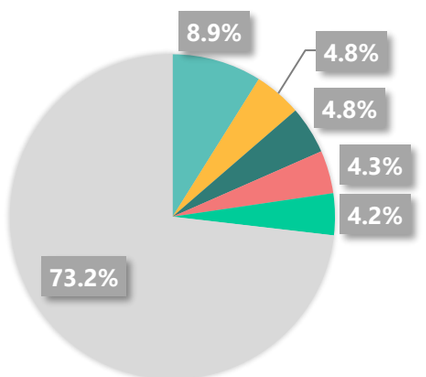


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

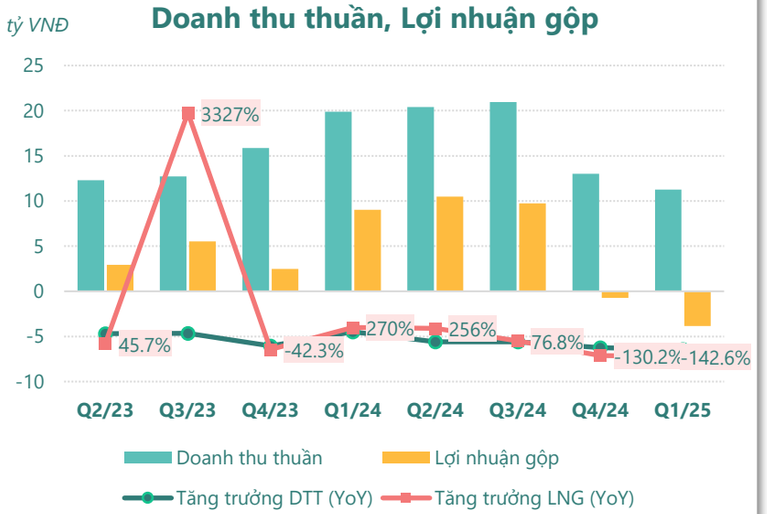


- Trần Minh Tuấn (Phó Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Zone Việt
- CTCP VCADO GLOBAL
- Phạm Thị Dung
- Giang Tuấn Anh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

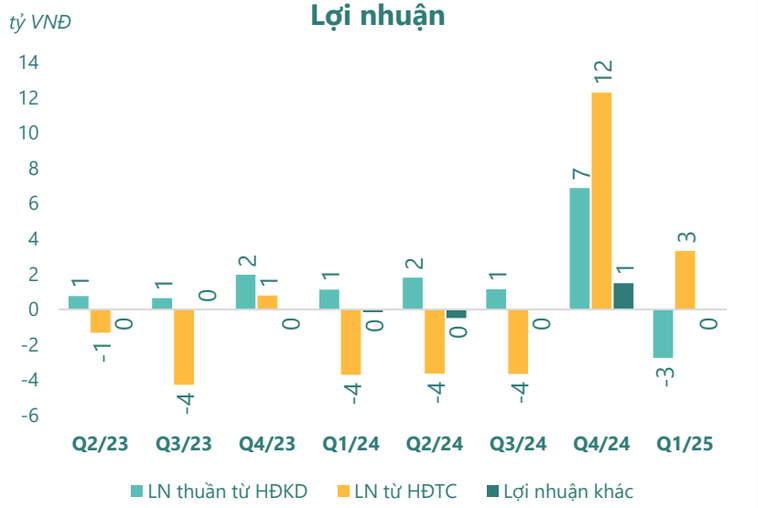
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



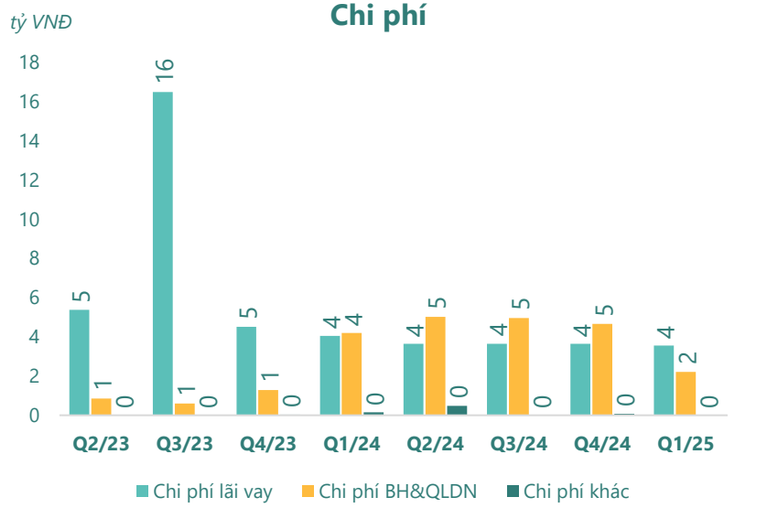
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



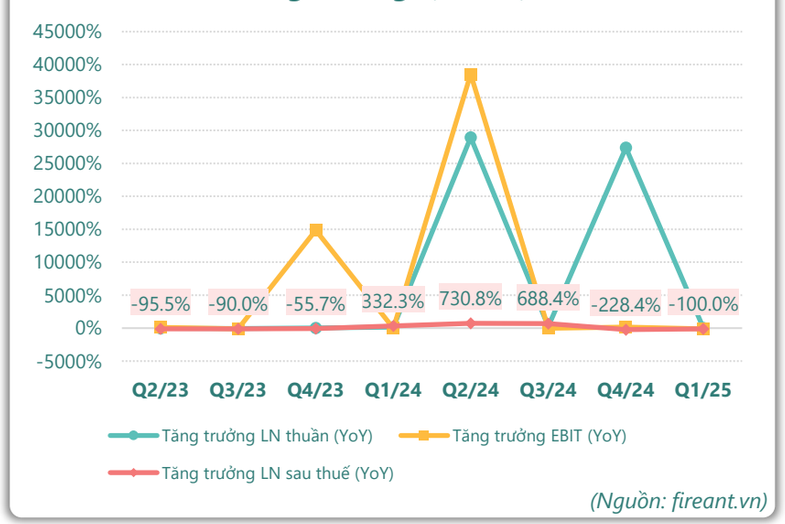
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



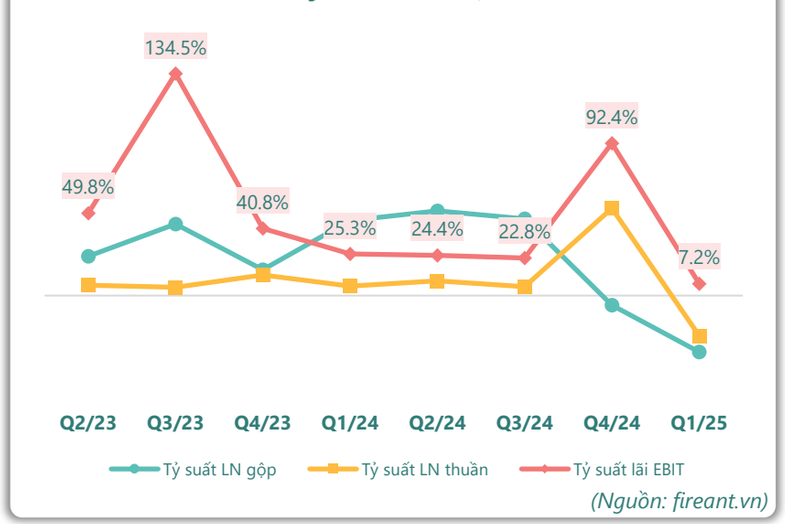
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



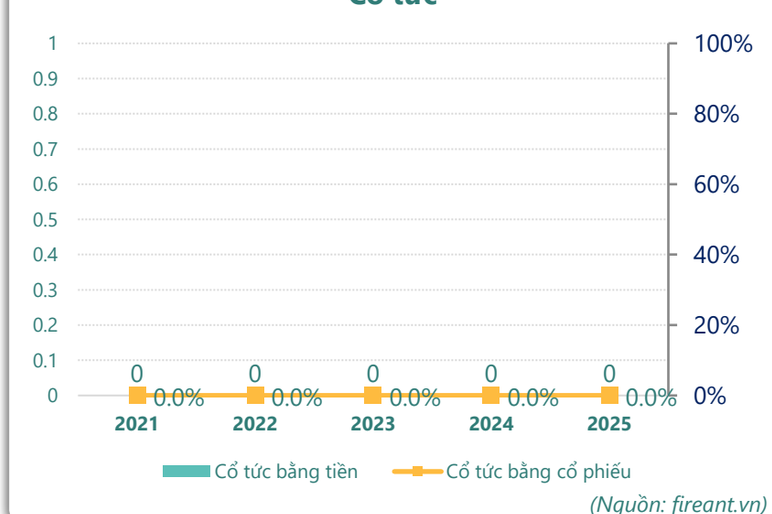
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

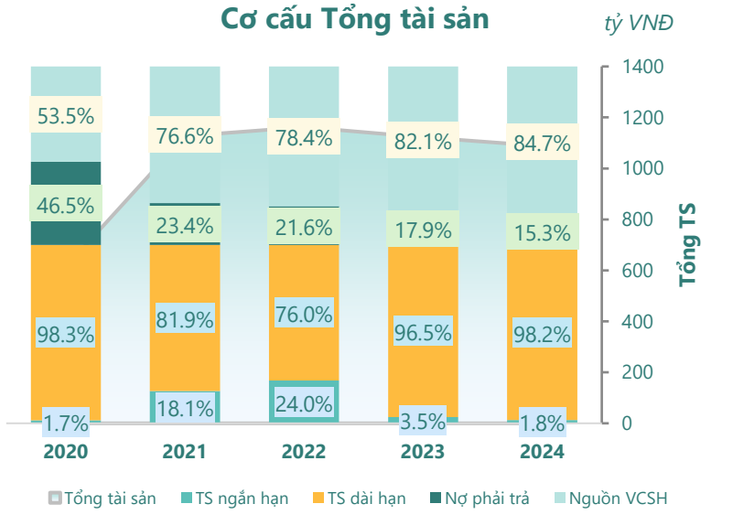
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

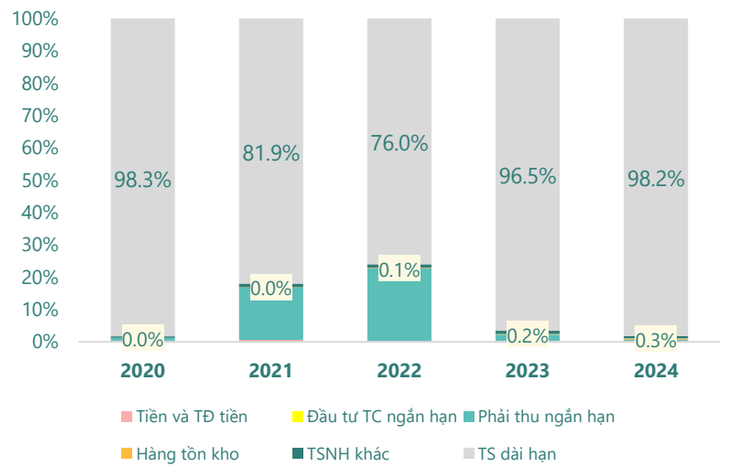
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



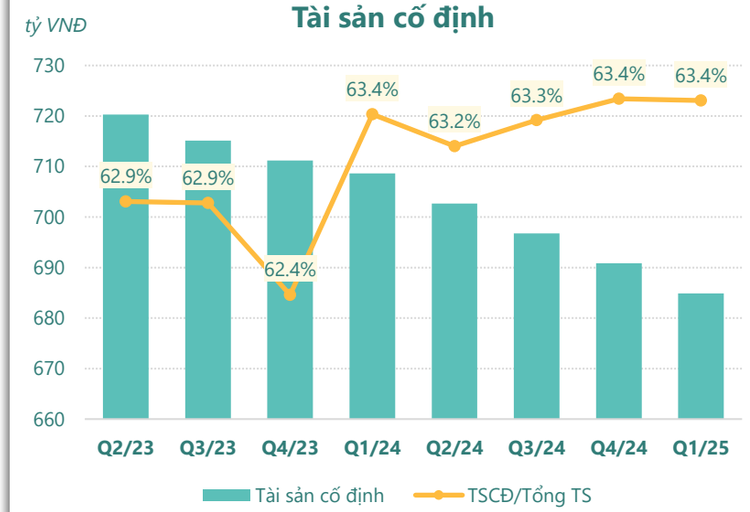
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



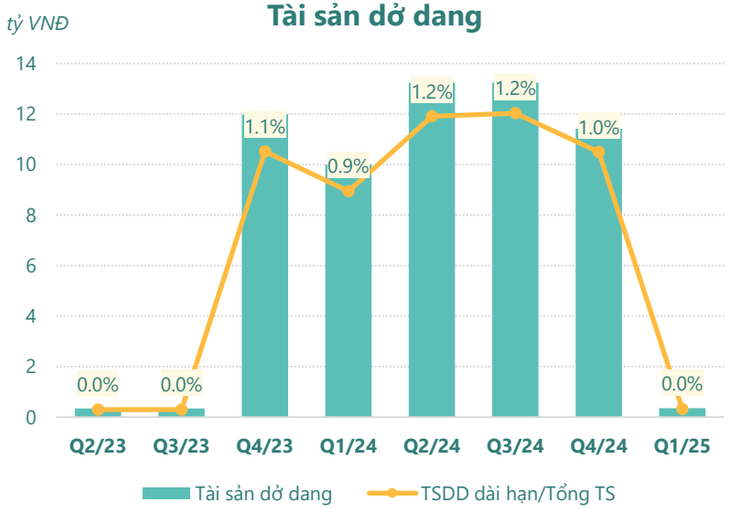
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



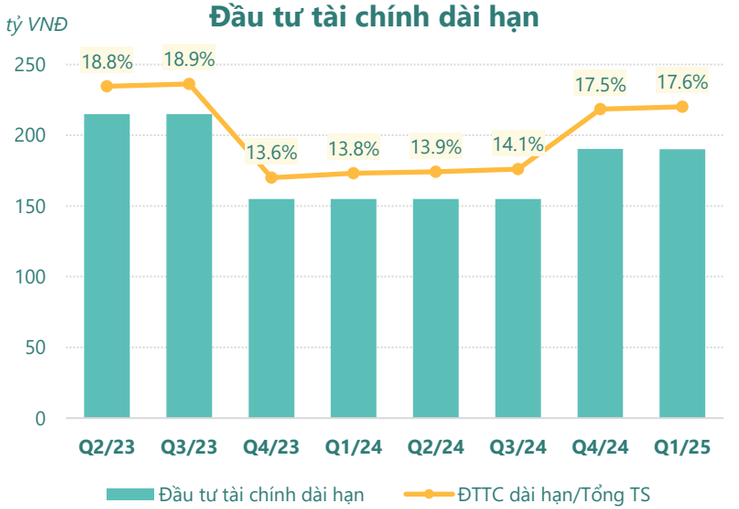
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



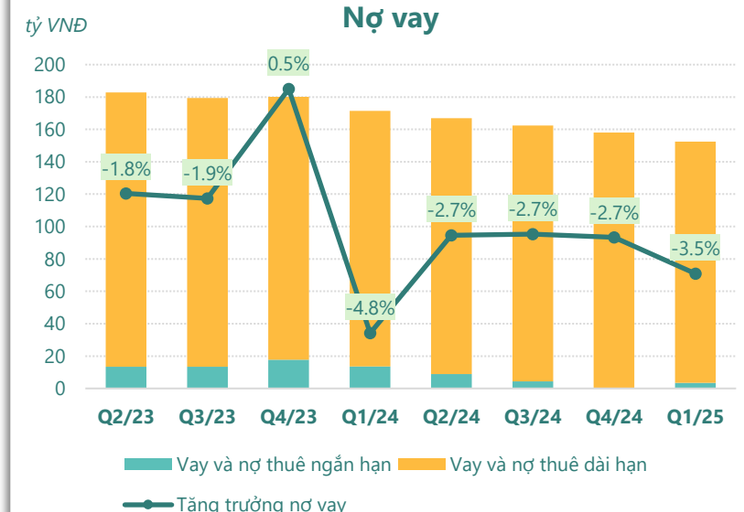
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

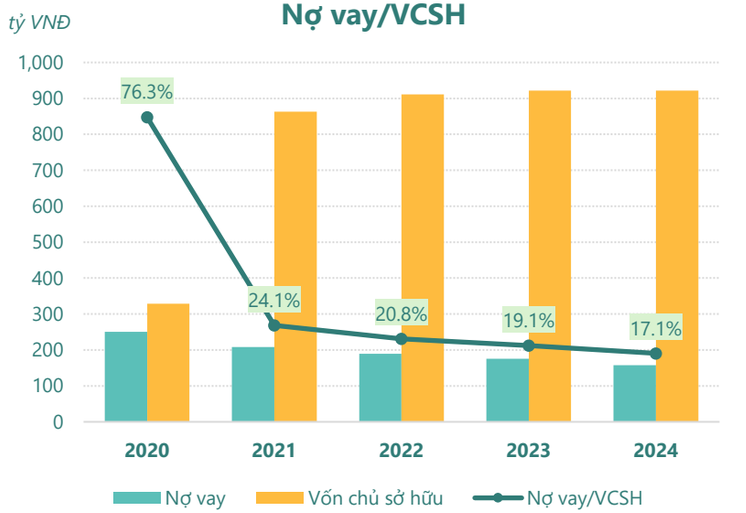
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

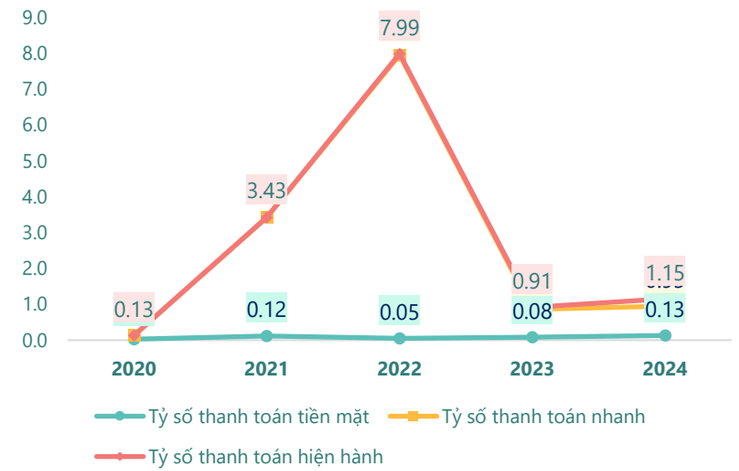
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



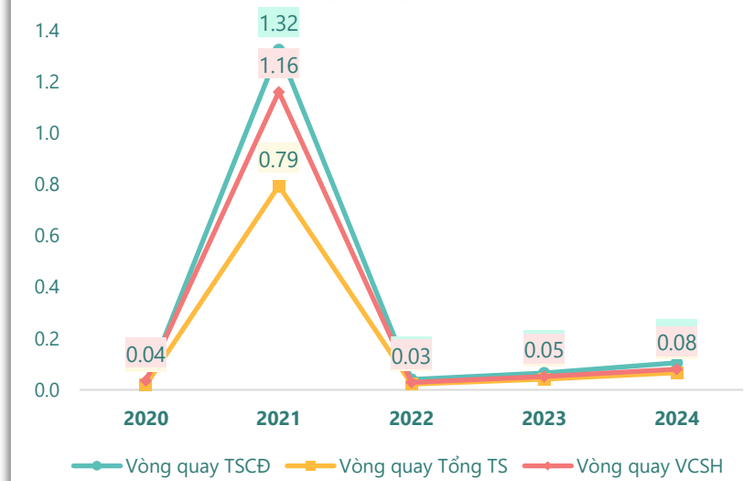
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



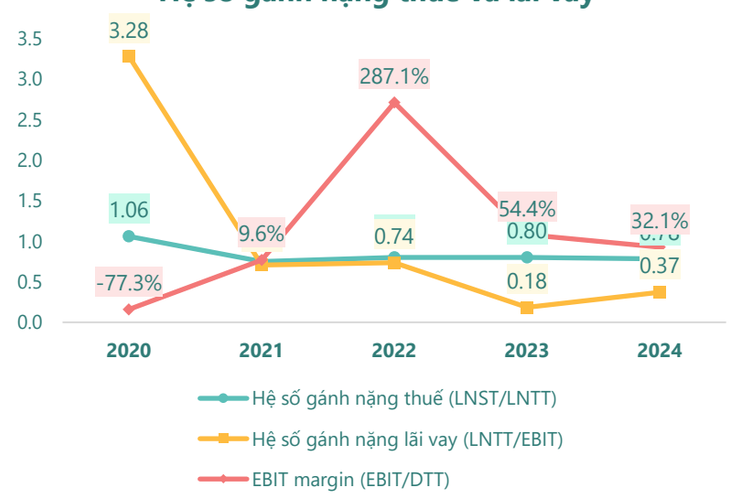
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



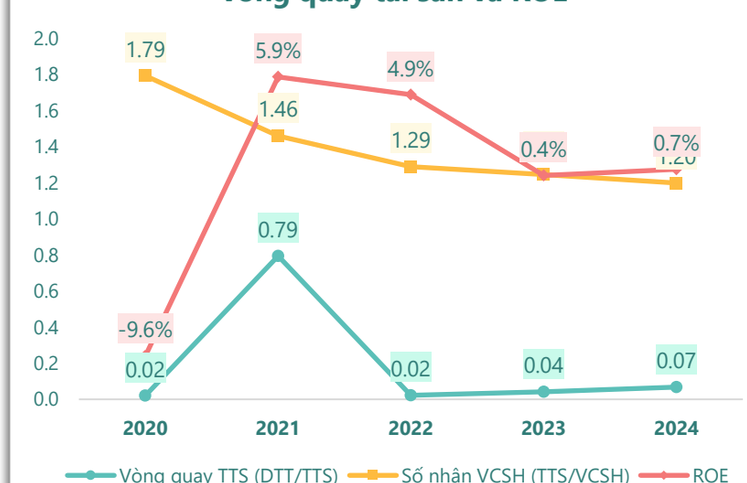
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



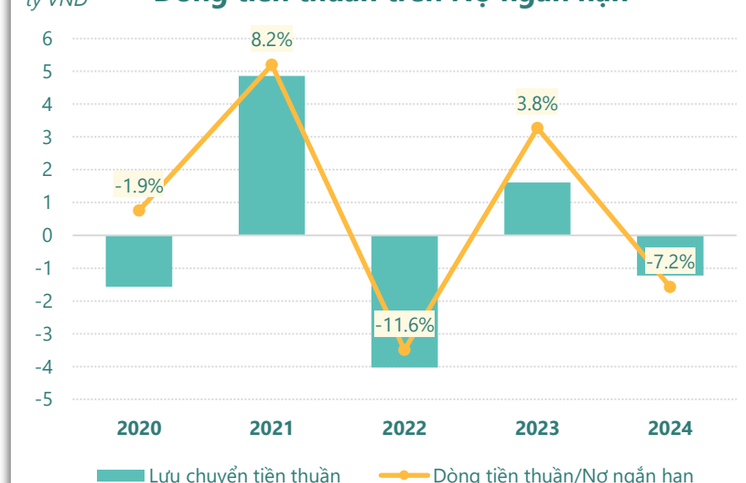
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**11.3**	**19.9**	**-43.4%**	**74.3**	**47.3**	**56.9%**
Giá vốn hàng bán	15.1	10.9	38.6%	47.2	41.7	13.1%
Lợi nhuận gộp	-3.85	9.04	-143%	27.1	5.61	382%
Doanh thu HĐTC	6.88	0.34	1922%	16.1	23.1	-30.4%
Chi phí TC	3.56	4.05	-12.2%	15.0	21.0	-28.6%
Chi phí lãi vay	3.56	4.05	-12.2%	15.0	21.0	-28.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.23	0.01	2236%	0.11	0.07	45.5%
Chi phí QLDN	**1.97**	**4.19**	**-52.9%**	**18.5**	**2.86**	**545%**
LN thuần từ HĐKD	-2.74	1.13	-343%	9.55	4.74	101%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**-0.15**	**99.1%**	**-0.70**	**0.01**	**-12157%**
LN trước thuế	-2.74	0.98	-380%	8.84	4.75	86.3%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.74**	**0.12**	**-2386%**	**6.91**	**3.80**	**81.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.74**	**0.04**	**-6959%**	**6.85**	**3.80**	**80.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	115	-13.6	-2.49	12.1	36.2	11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-115	19.3	2.96	-2.78	-35.3	-3.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.85	-4.44	-4.44	-4.44	-4.44	-5.56
Tiền đầu kỳ	3.78	3.42	4.74	0.77	5.68	2.19
Lưu chuyển tiền thuần	**0.74**	**1.32**	**-3.97**	**4.91**	**-3.49**	**2.16**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.53	4.74	0.77	5.68	2.19	4.35

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,080**	**1,088**	**-0.7%**
Tài sản ngắn hạn	23.0	19.7	17.0%
Tiền và tương đương tiền	4.35	2.19	98.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9.59	6.06	58.1%
Hàng tồn kho	1.92	3.49	-45.1%
Tài sản ngắn hạn khác	7.15	7.91	-9.6%
Tài sản dài hạn	**1,057**	**1,068**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	153	156	-1.9%
Tài sản cố định	685	691	-0.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.35	0.35	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	190	190	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**28.6**	**30.5**	**-6.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	161	166	-2.9%
Nợ ngắn hạn	**12.4**	**17.1**	**-27.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.38	8.94	-62.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.88	0.74	18.8%
Nợ dài hạn	149	149	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	149	149	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**918**	**921**	**-0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**918**	**921**	**-0.3%**
Vốn điều lệ	842	842	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)